BẢNG

Bảng giá có điều kiện và thời hạn đối chiếu

Đồng Việt Nam, vòng 18 hố khách lẻ. Đọc điều kiện tại từng dòng; không phải báo giá đặt sân.

Cơ sở golf	Tỉnh/thành	Ngày thường (đ)	Cuối tuần (đ)	Chênh cuối tuần	Hiệu lực	Nguồn
Hoiana Shores	Đà Nẵng	7.500.000	7.500.000	0%	04–12/2026 Giá 7,5 triệu; quyền lợi F&B/quà tặng thay đổi từ 1/10. Thuế/phí phục vụ chưa được mô tả riêng trên bảng trích.	Website sân
The Bluffs Hồ Tràm	TP.HCM	5.850.000	6.500.000	+11%	01–12/2026 Ngày lễ 6,76 triệu đồng; thuế và xe dùng chung cần xác nhận khi đặt.	Website sân
Legend Đà Nẵng (Norman)	Đà Nẵng	3.750.000	5.050.000	+35%	Từ 01/12/2025 đến khi thay thế Sân Norman, khách nội địa. Khách inbound: 4,25/5,65 triệu. Đã gồm caddie, xe chung, thuế và phí phục vụ 5% khi áp dụng.	Website sân
BRG Kings Island (Kings)	Hà Nội	3.700.000	4.800.000	+30%	Từ 01/12/2025 đến khi thay thế Sân Kings; khách lẻ nội địa. Đã gồm caddie, xe chung, GTGT và TTĐB. Khách inbound: 3,9/5,2 triệu. Hiệu lực đến khi thay thế.	Website sân
BRG Ruby Tree	Hải Phòng	2.700.000	3.800.000	+41%	Từ 01/12/2025 đến khi thay thế Khách lẻ; gồm caddie, xe chung, GTGT và TTĐB. Hiệu lực từ 1/12/2025 đến khi thay thế.	Website sân
Vinpearl Golf Nha Trang	Khánh Hòa	2.600.000	3.250.000	+25%	04–11/2026 Thấp điểm 4–11/2026. Cao điểm 1–3 và 12/2026: 3,6 / 4,5 triệu đồng.	Website sân

Cơ sở golf	Tỉnh/thành	Ngày thường (đ)	Cuối tuần (đ)	Chênh cuối tuần	Hiệu lực	Nguồn
Trung vị 6 bảng giá trong mẫu		**3.725.000**	**4.925.000**	**+27%**		